

Số: 1732/SGDDĐT-QLĐT&GDTX

V/v Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học;
tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục
mầm non năm 2020.

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Kính gửi:

- Các trường THPT, các trường THCS-THPT;
- Các trung tâm GDNN-GDTX;
- Các trường CĐ, TC có dạy chương trình GDTX cấp THPT.

Thực hiện Công văn số 1778/BGDĐT-GDĐH ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non năm 2020, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường THPT, các trường THCS-THPT, các trung tâm GDNN-GDTX, các trường CĐ, TC có dạy chương trình GDTX cấp THPT (gọi chung là các trường THPT) một số nội dung sau:

I. Hướng dẫn cho học sinh về quy chế, công tác tuyển sinh

1. Chủ động hướng dẫn Quy chế tuyển sinh cho học sinh dự thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển vào đại học; cao đẳng ngành Giáo dục mầm non. Trong đó chú ý đến tính chính xác của khu vực ưu tiên và đối tượng ưu tiên.

2. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu kỹ thông tin về trường, ngành có dự định đăng ký xét tuyển, thời gian xét tuyển riêng của các trường (qua website của các trường hoặc website *thituyensinh.vn*) để thêm thông tin lựa chọn, đăng ký chính xác, phù hợp với bản thân học sinh. Trong đó lưu ý các học sinh về khối, tổ hợp môn xét tuyển để tránh nhầm lẫn.

3. Phổ biến, niêm yết thời hạn thực hiện công việc theo kế hoạch chung về tuyển sinh quy định tại Phụ lục 1 tại nơi thuận lợi, dễ quan sát, dễ theo dõi để học sinh nắm được.

4. Hướng dẫn thí sinh sử dụng tài khoản và mật khẩu cá nhân đã được cấp để truy cập vào Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT nhằm kiểm tra thông tin cá nhân và thực hiện điều chỉnh ĐKXT trực tuyến.

5. Hướng dẫn thí sinh có nhu cầu thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT sau khi có kết quả thi THPT. Mỗi thí sinh chỉ được điều chỉnh ĐKXT **01 lần** trong thời gian quy định và chỉ được sử dụng một trong hai phương thức: trực tuyến hoặc bằng Phiếu điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT.

- Điều chỉnh bằng phương thức trực tuyến: thí sinh sử dụng tài khoản và mật khẩu cá nhân đã được cấp để thực hiện việc điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT. Lưu ý thí sinh: phương thức này chỉ chấp nhận khi số lượng nguyện vọng sau khi điều chỉnh không lớn hơn số lượng nguyện vọng đã đăng ký ban đầu trong Phiếu ĐKDT;

- Điều chỉnh bằng Phiếu điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT: thí sinh được điều chỉnh tăng thêm số lượng nguyện vọng so với số lượng nguyện vọng đã đăng ký ban đầu trong Phiếu ĐKDT và phải nộp bổ sung lệ phí cho số nguyện vọng tăng thêm theo quy định. Thí sinh phúc khảo các bài thi/môn thi sẽ được điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT sau khi có kết quả phúc khảo thi tốt nghiệp THPT. Thí sinh phải điền đầy đủ thông tin vào Phiếu điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT (Phụ lục 2) và gửi trực tiếp về điểm thu nhận hồ sơ để cán bộ máy tính cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Công thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT. Thí sinh sử dụng tài khoản và mật khẩu cá nhân đã được cấp để kiểm tra lại thông tin thay đổi nguyện vọng, nếu có sai sót phải thông báo trực tiếp cho điểm tiếp nhận hồ sơ để tổng hợp gửi về Sở (qua đ/c Hồ Văn Viện – Phòng QLĐT&GDTX) theo quy định.

6. Các đơn vị bố trí phòng máy tính có nối mạng internet, cán bộ hỗ trợ để thí sinh sử dụng thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT trực tuyến.

II. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh.

1. Các văn bản quy định về chế độ ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh, gồm:

Các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo **Quyết định số 447/QĐ-UBND** ngày 19/9/2013, **Quyết định số 68/QĐ-UBND** ngày 19/3/2014 và **Quyết định số 601/QĐ-UBND** ngày 29/10/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; **Quyết định 73/QĐ-UBND** ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc về việc điều chỉnh khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi. Quyết định này **thay thế nội dung các xã tương ứng trong** quyết định 447/QĐ-UBND; Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015 được quy định tại Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015 được quy định tại Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 được quy định tại Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015; Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015; Quyết định 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện

đầu tư của Chương trình 135 năm 2016; Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 19/04/2017 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016; Quyết định 900/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020; Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 28/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết 32/NQ-CP ngày 14/5/2020 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã trong giai đoạn 2019-2021.

2. Ưu tiên khu vực đối với thí sinh học tại các trường THPT và tương đương có sự thay đổi chế độ ưu tiên

Đối với các trường THPT do thay đổi địa giới hành chính, chuyển địa điểm hoặc thay đổi cấp hành chính, chính sách dẫn đến thay đổi mức ưu tiên khu vực thì mỗi giai đoạn hưởng mức ưu tiên khác nhau, trường sẽ được gán một mã trường khác nhau cùng với một mức ưu tiên khu vực phù hợp. Thí sinh căn cứ thời gian học tập tại trường THPT chọn và điền đúng mã trường theo các giai đoạn để được hưởng đúng mức ưu tiên theo khu vực.

3. Hồ sơ để được hưởng ưu tiên theo đối tượng

- Bản photocopy Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên;
- Đối với thí sinh là người dân tộc thiểu số, giấy chứng nhận để hưởng đối tượng ưu tiên 01 là Bản photocopy giấy khai sinh trên đó ghi rõ dân tộc thuộc dân tộc thiểu số và hộ khẩu thường trú hoặc giấy tờ hợp pháp minh chứng thí sinh có hộ khẩu thường trú trên 18 tháng (tính đến ngày thi đầu tiên của Kỳ thi THPT) tại Khu vực 1 trong thời gian học THPT.

- Đối với thí sinh thuộc đối tượng người có công với cách mạng hoặc con của người có công với cách mạng, giấy chứng nhận để hưởng ưu tiên là Bản photocopy Quyết định trợ cấp, phụ cấp đối với người có công của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội. Thí sinh xuất trình bản chính của các giấy tờ nói trên để các trường đối chiếu khi làm thủ tục nhập học.

III. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

1. Các ngành xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

a) Đối với thí sinh đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:

Danh mục các ngành đúng hoặc ngành gần với môn thi học sinh giỏi (HSG) quốc gia được xác định tại Phụ lục 6. Các trường **có thể** bổ sung thêm các ngành đúng và ngành gần đối với từng môn thi HSG quốc gia phù hợp với yêu cầu đầu vào các ngành đào tạo của trường, nhưng **phải công bố trong Đề án tuyển sinh**;

b) Đối với thí sinh đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia:

Căn cứ vào kết quả dự án, đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật của thí sinh đoạt giải và danh mục các ngành đúng, ngành gần quy định tại Phụ lục 6, các trường ĐH, CD, xét tuyển thẳng vào ngành học phù hợp với kết quả dự án hoặc đề tài mà thí sinh đoạt giải.

c) Đối với thí sinh đạt giải kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế:

Căn cứ **Đề án tuyển sinh đã công bố** về chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi ngành nghề, chương trình định hướng đào tạo các trường xét tuyển đối với thí sinh đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của pháp luật.

d) Thí sinh phải tìm hiểu kỹ thông tin về chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi ngành nghề, chương trình định hướng đào tạo để xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển trong Đề án tuyển sinh của trường; điều kiện, hồ sơ và nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định chung của Bộ GDĐT; theo hướng dẫn chi tiết của từng trường và **nộp hồ sơ về Sở GDĐT trong thời gian quy định**.

2. Đăng ký xét tuyển thẳng

a) Thí sinh phải nộp hồ sơ ĐKXT thẳng tại sở GDĐT trước ngày **20/7/2020**:

- Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, l khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng Phụ lục 3;

+ Ít nhất một trong các bản photocopy sau: Chứng nhận là thành viên được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế hoặc chứng nhận là thành viên đội tuyển tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ GDĐT); Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật; Giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác;

+ Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

- Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại điểm i, khoản 2, Điều 7 của Quy chế tuyển sinh gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng Phụ lục 4;

+ Bản photocopy học bạ 3 năm học THPT;

+ Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6;

+ Bản photocopy hộ khẩu thường trú.

b) Sau khi có thông báo trúng tuyển của trường, thí sinh phải nộp bản chính giấy chứng nhận đoạt giải để xác nhận nhập học trong thời gian quy định (thời gian tính theo dấu bưu điện nếu nộp qua bưu điện bằng thư chuyển phát nhanh).

4. Đăng ký ưu tiên xét tuyển

Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh nếu không sử dụng quyền xét tuyển thẳng thì phải ĐKDT theo quy định và phải nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển tại sở GDĐT trước ngày **20/7/2020**. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển gồm:

a) Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển Phụ lục 5;

b) Ít nhất một trong các bản photocopy sau: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, quốc tế; Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật, Giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế.

III. Một số lưu ý đối với các đơn vị

1. Nghiên cứu kỹ Quy chế tuyển sinh, đề án tuyển sinh của các trường đại học, cao đẳng và các tài liệu do Sở GDĐT gửi kèm để hướng dẫn cho học sinh một cách kịp thời và chính xác nhất.

2. Các khoản lệ phí điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT, đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển sẽ được Sở thông báo kịp thời khi có quy định chính thức của liên bộ Bộ Tài chính – Bộ GDĐT.

Sở GDĐT yêu cầu các đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung hướng dẫn trên đây.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo kịp thời về Sở GDĐT (Phòng QLĐT&GDTX) theo điện thoại số: 0975123219 và 0983.772.356; địa chỉ Email: vienhv.gdtx@thanhhoa.edu.vn để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu : VP, QLĐT&GDTX.



Lê Văn Hoa

Phụ lục 1
LỊCH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC; TUYỂN SINH CAO ĐẲNG
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số: 132/SGDDĐT-QLĐĐT&GDTX ngày 17/6/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
1.	Ban hành Quy chế tuyển sinh	Bộ GDĐT	Sở GDĐT, trường	Trước ngày 15/5
2.	Các trường nhận tài khoản để báo cáo đề án tuyển sinh của trường	Trường	Vụ GDĐH Cục CNTT	Trước ngày 25/5
3.	Tập huấn Quy chế tuyển sinh	Vụ GDĐH	Cục QLCL, Lãnh đạo và cán bộ tuyển sinh các trường	Dự kiến Trước ngày 30/5
4.	Các trường gửi Đề án tuyển sinh của trường về Bộ ngay sau khi trường công bố Đề án trên cổng thông tin điện tử của trường	Trường	Vụ GDĐH Cục CNTT	Trước ngày 31/5
5.	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi của thí sinh; nhập thông tin ĐKDT, ĐKXT đợt 1 của thí sinh vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Điểm thu nhận hồ sơ	Các đối tượng dự thi THPT	Dự kiến theo lịch đăng kí dự thi kì thi tốt nghiệp THPT khoảng từ 15/6 đến 30/6
6.	Các trường tải dữ liệu thí sinh ĐKXT từ Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để tham khảo	Trường	Vụ GDĐH Cục CNTT	Từ 15/7 đến 25/7
7.	Thí sinh gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển về sở GDĐT	Thí sinh	Sở GDĐT	Trước ngày 20/7
8.	Sở GDĐT gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đến các trường	Sở GDĐT	Trường	Trước ngày 1/8
9.	Các trường tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho các sở GDĐT để thông báo cho thí sinh	Trường	Thí sinh Sở GDĐT	Trước 17 giờ 00 ngày 20/8
10.	Thí sinh trúng tuyển thẳng gửi Hồ sơ và xác nhận nhập học tại các trường	Thí sinh	Trường	Trước ngày 5/9

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
11.	Các trường báo cáo kết quả xét tuyển thẳng	Trường	Vụ GDĐH	Trước 17 giờ 00 ngày 10/9
12.	Các trường cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT kết quả sơ tuyển, kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt, kết quả thi các môn năng khiếu (nếu có)	Trường ĐH, CĐ	Vụ GDĐH Cục CNTT	Trước ngày 30/8 đối với xét tuyển đợt 1 và trước các đợt xét tuyển bổ sung do trường quy định
13.	Bộ GDĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào khối ngành đào tạo giáo viên, khối ngành sức khỏe	Vụ GDĐH	Cục QLCL, Vụ GDTH, Vụ GDTX, Thanh tra, Vụ Pháp chế, Cục Nhà giáo và QLCBGD, Các trường	Dự kiến trước ngày 7/9
14.	Các trường điều chỉnh, công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và trang thông tin điện tử của trường	Trường	Vụ GDĐH	Dự kiến trước ngày 8/9
15.	Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT theo phương thức trực tuyến	Thí sinh, Điểm thu nhận hồ sơ	Vụ GDĐH Cục CNTT Sở GDĐT	Dự kiến từ 9/9 đến 17 giờ 00 ngày 16/9
16.	Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng Phiếu ĐKXT	Thí sinh, Điểm thu nhận hồ sơ	Vụ GDĐH Cục CNTT Sở GDĐT	Dự kiến từ 9/9 đến 17 giờ 00 ngày 18/9
17.	Thí sinh kiểm tra kết quả điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT và đề nghị điều chỉnh sai sót nếu có (chỉ áp dụng đối với thí sinh điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng phiếu)	Thí sinh	Điểm thu nhận hồ sơ	Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 20/9
18.	Điểm thu nhận hồ sơ hoàn thành việc cập nhật thông tin về điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT của tất cả thí sinh vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Sở GDĐT, Điểm thu nhận hồ sơ	Thí sinh	Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 21/9
19.	Thực hiện quy trình xét tuyển đợt 1 theo Quy chế tuyển sinh	Trường	Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL, Vụ GDTH, Vụ GDTX	Dự kiến từ 24/9 đến 17 giờ 00 ngày 26/9

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
20.	Các trường công bố kết quả trúng tuyển đợt 1	Trường	Vụ GDĐH	Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 27/9
21.	Thí sinh xác nhận nhập học đợt 1	Thí sinh Trường	Vụ GDĐH	Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 3/10 (tính theo dấu bưu điện)
22.	Các trường cập nhật thông tin thí sinh xác nhận nhập học vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Trường	Vụ GDĐH Cục CNTT	Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 7/10
23.	Các trường xét tuyển bổ sung (các trường chủ động công bố lịch tuyển sinh bổ sung trước 15 ngày so với ngày xét tuyển)	Trường	Vụ GDĐH Cục CNTT Cục QLCL Vụ GDTH	Dự kiến từ ngày 8/10
24.	Các trường xét tuyển các đợt tiếp theo và cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học theo quy định	Trường	Vụ GDĐH Cục CNTT Cục QLCL	Từ tháng 8 đến 12/2020
25.	Các trường báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2020	Trường	Vụ GDĐH	Trước ngày 28/2/2021

Phụ lục 2.

PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN (gồm 2 mẫu phiếu)

(Kèm theo Công văn số 722/SGDDĐT-QLDDĐT&GDTX ngày 16/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GDĐT.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MÃ SỐ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU SỐ 1
(Nơi tiếp nhận lưu)

SỐ PHIẾU:

PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. **Họ, chữ đệm và tên của thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

ngày tháng năm

3. **Số CMND/Căn cước CD** (hồ sơ đăng ký dự thi)

4. **Số báo danh** (trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT)

5. **Số điện thoại** (hồ sơ đăng ký dự thi).....

6. **Địa chỉ Email:**

B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN

7. Đề nghị điều chỉnh **Khu vực ưu tiên** **Đối tượng ưu tiên**
chế độ ưu tiên: **tuyển sinh:** **tuyển sinh:**

8. **Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh** (Thí sinh phải ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng từ cột (1) đến cột 5))

Thứ tự NV ưu tiên (1)	Mã trường (chữ in hoa) (2)	Mã ngành/Nhóm ngành (3)	Tên ngành/Nhóm ngành (4)	Mã tổ hợp môn xét tuyển (5)	Nội dung thay đổi (6)
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
...					
...					

Tổng số nguyện vọng:

....., ngày tháng năm 201..

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(ký, ghi rõ họ tên)

SỞ GDĐT.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MÃ SỐ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU SỐ 2
(Thí sinh lưu)SỐ PHIẾU:

PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu).....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0) **2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

ngày tháng năm

3. Số CMND/Căn cước CD (hồ sơ đăng ký dự thi) **4. Số báo danh** (trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT)**5. Số điện thoại** (hồ sơ đăng ký dự thi).....**6. Địa chỉ Email:****B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN****7. Đề nghị điều chỉnh** *Khu vực ưu tiên**Đối tượng ưu tiên*

chế độ ưu tiên:

*tuyển sinh:**tuyển sinh:***8. Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh** (Thí sinh phải ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng từ cột (1) đến cột (5))

Thứ tự NV ưu tiên (1)	Mã trường (chữ in hoa) (2)	Mã ngành/Nhóm ngành (3)	Tên ngành/Nhóm ngành (4)	Mã tổ hợp môn xét tuyển (5)	Nội dung thay đổi (6)
1					
2					
3					
4					
5					
6					
...					

Tổng số nguyện vọng:

NƠI NHẬN PHIẾU
(Đại diện ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 201
NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(ký, ghi rõ họ tên)

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN VÀO PHIẾU ĐIỀU CHỈNH
NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN**

1. Thông tin điều chỉnh ĐKXT được khai trên 02 phiếu (Phiếu số 1 Nơi tiếp nhận lưu, Phiếu số 2 Thí sinh lưu).

2. Phần **THÔNG TIN CÁ NHÂN**: Cần ghi chính xác và thống nhất với thông tin trong Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển vào đại học; cao đẳng.

3. Mục "Đề nghị điều chỉnh chế độ ưu tiên": Nếu thí sinh có sửa "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" hoặc "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" thì đánh dấu X vào ô tương ứng (*trong mục "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các mã KV1, KV2-NT, KV2 hoặc KV3 tương ứng với khu vực ưu tiên của thí sinh được hưởng; trong mục "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các ký hiệu từ 01 đến 07 tương ứng với đối tượng ưu tiên của thí sinh được hưởng. Nếu không thuộc đối tượng ưu tiên thì để trống*).

4. Bảng "**Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh**":

Bước 1: Thí sinh ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng mới từ cột (1) đến cột (5);

Bước 2: So sánh bảng mới với bảng cũ (đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi) để ghi "Nội dung thay đổi" vào cột (6) như sau:

- Nếu không thay đổi thứ tự NV ưu tiên và các nội dung đã đăng ký thì thí sinh ghi số **0** tại cột (6) cùng hàng;

- Nếu chỉ thay đổi thứ tự NV ưu tiên và giữ nguyên các nội dung khác đã đăng ký thì thí sinh ghi số thứ tự NV ưu tiên cũ tại cột (6) cùng hàng;

- Những thay đổi khác thì ghi **TĐ** tại cột 6 cùng hàng.

Ví dụ:

Bảng danh sách nguyện vọng cũ đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi (**bảng cũ**)

Thứ tự NV ưu tiên	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/ Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển
1	BVH	7480201	Công nghệ thông tin	A00
2	QHI	7480201	Công nghệ thông tin	A00
3	BKA	7480201	Công nghệ thông tin	A00
4	VHD	7480201	Công nghệ thông tin	A00

Bảng nội dung điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển (**bảng mới**)

Thứ tự NV ưu tiên (1)	Mã trường (chữ in hoa) (2)	Mã ngành/ Nhóm ngành (3)	Tên ngành/Nhóm ngành (4)	Mã tổ hợp môn xét tuyển (5)	Nội dung thay đổi (6)
1	QHI	7480201	Công nghệ thông tin	A00	2
2	BKA	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	A01	TĐ
3	KHA	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	TĐ
4	VHD	7480201	Công nghệ thông tin	A00	0
.....					

Trong ví dụ trên:

- Nguyện vọng 1 của bảng mới trùng với nguyện vọng 2 của bảng cũ: Điền số **2** (số thứ tự NV ưu tiên cũ) vào cột 6, hàng 1;

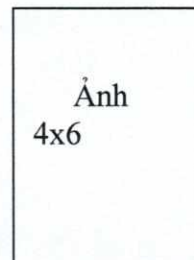
- Nguyện vọng 2 của bảng mới thay đổi so với bảng cũ: Điền **TĐ** vào cột 6, hàng 2;

- Nguyện vọng 4 của bảng mới không thay đổi so với bảng cũ: Điền số **0** vào cột 6, hàng 4.

Phụ lục 3
PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020
(Kèm theo Công văn số 4732/SGDDĐT-QLDDĐT&GDTX ngày 10/6/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020
(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)



1. **Họ và tên thí sinh** (*Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu*)
 (nữ ghi 1, nam ghi 0) **Giới**
2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:**
(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)
ngày *tháng* *năm*
3. **Số CMND** (như hồ sơ đăng ký dự thi)
4. **Điện thoại** (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**.....
5. **Nơi sinh** (tỉnh, thành phố):
6. **Năm tốt nghiệp THPT**
7. **Năm đoạt giải:**.....
8. **Môn đoạt giải, loại giải, huy chương**

Môn đoạt giải *Loại giải, loại huy chương*
9. **Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm 2020 môn:**
10. **Đăng ký xét tuyển thăng vào trường/ngành học:**

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			
...			

11. **Địa chỉ báo tin:**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trườngđã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

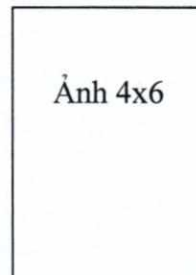
Ngày tháng .. năm 2020

Chữ ký của thí sinh

Phụ lục 4
PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO
ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2020
(Kèm theo Công văn số 32/SGDDT-QLĐĐT&GDTX ngày /6/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020
(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại
điểm i, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)



1. Họ và tên thí sinh *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*
 *(nữ ghi 1, nam ghi 0)*

Giới

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Số CMND *(như hồ sơ đăng ký dự thi)*

4. Điện thoại *(như hồ sơ đăng ký dự thi):* **Email:**.....

5. Hộ khẩu thường trú *(Ghi rõ xã, huyện, tỉnh)*.....

6. Dân tộc:

7. Nơi học THPT hoặc tương đương:

- Năm lớp 10:

- Năm lớp 11:

- Năm lớp 12:

8. Năm tốt nghiệp THPT:.....

9. Học lực: Năm lớp 10:; Năm lớp 11:; Năm lớp 12:

10. Đăng ký xét tuyển thăng vào trường/ngành học:

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			

11. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường.....

đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2020

Chữ ký của thí sinh

Phụ lục 5
PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO
ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2020

(Kèm theo Công văn số 141/SGDDĐT-QLDDĐT&GDTX ngày 16/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2020

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0) **Giới**

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

5. Nơi sinh (ghi tỉnh, thành phố).

6. Môn đoạt giải: **Loại giải, huy chương:**

7. Năm đoạt giải:

8. Năm tốt nghiệp THPT:

9. Đăng ký ưu tiên xét tuyển (như hồ sơ đăng ký dự thi):

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2020

Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 6

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

THÍ SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI

(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDDH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số TT	Tên môn thi học sinh giỏi	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
1	Toán	Sư phạm Toán học (*)	7140209
		Toán học (*)	7460101
		Toán ứng dụng (*)	7460112
		Toán cơ (*)	7460115
		Thông kê	7460201
2	Vật lí	Sư phạm Vật lí (*)	7140211
		Vật lí học (*)	7440102
		Thiên văn học	7440101
		Vật lí kỹ thuật (*)	7520401
		Vật lý nguyên tử và hạt nhân (*)	7440106
3	Hóa học	Sư phạm Hóa học (*)	7140212
		Hóa học (*)	7440112
		Công nghệ kỹ thuật Hóa học (*)	7510401
		Công nghệ thực phẩm	7540101
		Kỹ thuật Hóa học (*)	7520301
		Dược học	7720201
		Khoa học môi trường	7440301
4	Sinh học	Sư phạm Sinh học (*)	7140213
		Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	7140215
		Sinh học (*)	7420101
		Công nghệ sinh học (*)	7420201
		Kỹ thuật sinh học (*)	7420202
		Sinh học ứng dụng (*)	7420203
		Y khoa	7720101
		Y học cổ truyền	7720115
		Răng-Hàm-Mặt	7720501
		Y học dự phòng	7720110
		Điều dưỡng	7720301
		Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601
		Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602
		Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603
		Y tế công cộng	7720701
		Dinh dưỡng	7720401
		Kỹ thuật phục hình răng	7720502
		Khoa học môi trường	7440301
		Khoa học cây trồng	7620110
		Chăn nuôi	7620105
Lâm học	7620201		

		Lâm nghiệp đô thị	7620202		
		Lâm sinh	7620205		
		Quản lý tài nguyên rừng	7620211		
		Nuôi trồng thủy sản	7620301		
5	Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn (*)	7140217		
		Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	7220101		
		Sáng tác văn học (*)	7220110		
		Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	7220112		
		Việt Nam học	7310630		
		Văn học (*)	7229030		
		Văn hóa học	7229040		
		Báo chí (*)	7320101		
		Ngôn ngữ học (*)	7229020		
		Thông tin - thư viện	7320201		
		Quản lý thông tin	7320205		
		6	Lịch sử	Sư phạm Lịch sử (*)	7140218
				Lịch sử (*)	7229010
Bảo tàng học	7320305				
Nhân học	7310302				
Lưu trữ học	7320303				
7	Địa lí	Sư phạm Địa lí (*)	7140219		
		Địa lí học (*)	7310501		
		Bản đồ học	7440212		
		Địa chất học	7440201		
		Địa lý tự nhiên kỹ thuật (*)	7440217		
		Thủy văn học	7440224		
		Quốc tế học	7310601		
		Đông phương học	7310608		
		Hải dương học	7440228		
8	Tin học	Sư phạm Tin học (*)	7140210		
		Khoa học máy tính (*)	7480101		
		Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (*)	7480102		
		Kỹ thuật phần mềm (*)	7480103		
		Hệ thống thông tin (*)	7480104		
		Công nghệ thông tin (*)	7480201		
		Công nghệ kỹ thuật máy tính (*)	7480108		
9	Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh (*)	7140231		
		Ngôn ngữ Anh (*)	7220201		
		Quốc tế học	7310601		
		Đông phương học	7310608		
		Ngôn ngữ học	7229020		
10	Tiếng Nga	Sư phạm Tiếng Nga (*)	7140232		
		Ngôn ngữ Nga (*)	7220202		
		Quốc tế học	7310601		
		Đông phương học	7310608		
		Ngôn ngữ học	7229020		
		Sư phạm tiếng Trung Quốc (*)	7140234		
		Trung Quốc học (*)	7310612		

11	Tiếng Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc (*)	7220204
		Hán nôm	7220104
		Quốc tế học	7310601
		Đông phương học	7310608
		Ngôn ngữ học	7229020
12	Tiếng Pháp	Sur phạm Tiếng Pháp (*)	7140233
		Ngôn ngữ Pháp (*)	7220203
		Quốc tế học	7310601
		Đông phương học	7310608
		Ngôn ngữ học	7229020

Ghi chú: - Những ngành có đánh dấu (*) là ngành đúng;
 - Các ngành còn lại là ngành gần.

Phụ lục 7

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI QUỐC GIA, QUỐC TẾ ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM

(Kèm theo Công văn số: /SGDDT-QLDDT&GDTX ngày /6/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA DỰ THI OLYMPIC QUỐC TẾ NĂM 2020 VÀ THÍ SINH ĐẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2020

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký xét tuyển thặng		Năm đoạt giải	Môn đoạt giải	Loại giải, huy chương	Tham dự kì thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic Quốc tế môn	Ghi chú
						Ký hiệu trường	Mã ngành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
01	Nguyễn Văn A		X		BKA		Toán học	HC vàng	Toán	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 8

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 20..

(Kèm theo Công văn số: /SGDĐT-QLDĐT&GDTX ngày /6/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký xét tuyển thặng		Năm đoạt giải	Lĩnh vực đoạt giải	Loại giải, huy chương	Tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật Quốc tế lĩnh vực	Ghi chú
						Ký hiệu trường	Mã ngành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
01	Nguyễn Văn X.		X		BKA		Khoa học môi trường	HC vàng	Toán	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 9

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số: /SGDDT-QLDDT&GDTX ngày /6/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020 (30a)

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký xét tuyển thặng		Mã tỉnh và mã trường nơi học THPT hoặc tương đương			Học lực			Ghi chú
							Ký hiệu trường	Mã ngành	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
01	Trần Thị T.		X			XDA								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Danh sách này gửi về trường thí sinh đăng ký xét tuyển.
- Danh sách này lập đối với thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ và 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam bộ.

Phụ lục 10

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số: /SGDDT-QLDDT&GDTX ngày /6/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020

Số TT	Họ và Tên	Số CMND	Giới tính	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	Đăng ký ưu tiên xét tuyển		Năm đoạt giải	Môn đoạt giải	Loại giải, huy chương	Ghi chú
						Ký hiệu trường	Mã ngành				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
01	Nguyễn Văn X.	X			BKA		Toán	HC vàng	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 11

CÁC VĂN BẢN VỀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN KHU VỰC

(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDDH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Các văn bản của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc:

- Quyết định 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 về việc Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015;
- Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 công nhận bổ sung thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015 tỉnh Ninh Bình;
- Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 về việc thay thế nội dung các xã, thôn có tên tương ứng trong QĐ số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013;
- Quyết định 73/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 về việc điều chỉnh khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi thay thế nội dung các xã tương ứng trong quyết định 447/QĐ-UBND;
- Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015
- Quyết định 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;
- Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 19/04/2016 phê duyệt bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;
- Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020.

2. Các văn bản của Thủ tướng Chính phủ:

- Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 quy định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015;
- Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;
- Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013;
- Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 13/04/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Định;
- Quyết định số 2311/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang;
- Quyết định số 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015;
- Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định 2475/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Lạng Sơn;
 - Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận;
 - Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh;
 - Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng;
 - Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;
 - Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 công nhận xã đảo thuộc thành phố Hải Phòng;
 - Quyết định 900/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020;
 - Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;
 - Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 phê duyệt bổ sung xã Vĩnh Hải, huyện Hải Ninh, tỉnh Ninh Thuận vào sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;
 - Quyết định 1614/QĐ-TTg ngày 22/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Thuận.
 - Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 28/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.
 - Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;
 - Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23/01/2019 về việc công nhận xã an toàn khu tại tỉnh Ninh Bình;
 - Quyết định 235/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Sóc Trăng.
 - Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 24/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Quảng Nam.
 - Quyết định 164/QĐ-TTg ngày 07/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Công nhận các xã An toàn khu tại tỉnh Quảng Nam.
- Và các văn bản khác nhưng không trái với quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.